

Số: 832/QĐ-THMKA

Mạo Khê, ngày 05 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
"Về việc công bố công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách
Quý III năm 2024".

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC MẠO KHÊ A

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán chi ngân sách năm 2024 (Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-PGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán bổ sung chi ngân sách thị xã năm 2024 (Nguồn trợ cấp có mục tiêu của tỉnh);

Căn cứ tình hình thực hiện thu - chi nguồn ngân sách Nhà nước quý III năm 2024 của trường Tiểu học Mạo Khê A,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai việc thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2024 của Trường TH Mạo Khê A (theo biểu mẫu 03 ngày 05 tháng 10 năm 2024 và đối chiếu ngân sách quý III/2024).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ngô Thị Ninh

Đơn vị: Trường Tiểu học Mạo Khê A
Chương: 622 khoản 072

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: 832/QĐ-THMKA ngày 05/10/2024 của Hiệu trưởng trường TH Mạo Khê A)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán chi ngân sách năm 2024 (Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2024);

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-PGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán bổ sung chi ngân sách thị xã năm 2024 (Nguồn trợ cấp có mục tiêu của tỉnh);

Căn cứ tình hình thực hiện thu - chi nguồn ngân sách Nhà nước quý III năm 2024 của trường Tiểu học Mạo Khê A.

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện quý III năm 2024	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Số thu từ nguồn hoạt động SN khác				
III	Chi từ nguồn thu được để lại				
IV	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.831.196.500	1.376.800.688	28,5	117,8
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.719.244.000	1.339.321.088	28,4	123,7

<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.876.240.000</u>	<u>1.187.435.496</u>	<u>30,6</u>	<u>131,4</u>
	Mục 6000: Tiền lương	2.052.113.319	631.027.800	30,8	127,8
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-			
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.044.012.798	360.437.942	34,5	133,3
	Mục 6200: Tiền thưởng	24.500.000	16.146.000	65,9	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	16.100.000	2.695.000	16,7	211,4
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	739.513.883	177.128.754	24,0	141,5
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-		
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>682.964.000</u>	<u>148.136.392</u>	<u>21,7</u>	<u>82,7</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	51.368.000	2.739.392	5,3	21,4
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	65.000.000	23.973.000	36,9	152,6
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	22.703.000	5.445.000	24,0	101,2
	Mục 6650: Hội nghị	21.500.000	-	0,0	
	Mục 6700: Công tác phí	31.080.000	5.170.000	16,6	60,8
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	59.904.000	-	0,0	0,0
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	210.070.000	47.182.000	22,5	65,3
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	211.339.000	63.627.000	30,1	725,2
-	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000		0,0	
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>160.040.000</u>	<u>3.749.200</u>	<u>2,3</u>	<u>811,5</u>
	Mục 7750: Chi khác	160.040.000	3.749.200	2,3	811,5
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	111.952.500	37.479.600	41,7	43,6
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		0,0
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học				0,0
	Mục 6550: Vật tư văn phòng				0,0

	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	89.856.000	37.440.000	41,7	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	22.096.500	-		0,0
	Mục 7750: Chi khác		39.600		1,4

Mạo Khê, ngày 05 tháng 10 năm 2024
Hiệu trưởng

Ngô Thị Ninh